

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định tổ chức chứng nhận

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26/7/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông thuộc Cục Viễn thông thực hiện việc chứng nhận đối với các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông. Danh sách sản phẩm, hàng hóa và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng như trong phạm vi được chỉ định kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 và thay thế Quyết định số 1174/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chỉ định tổ chức chứng nhận.

Điều 3. Tổ chức chứng nhận có trách nhiệm thực hiện việc chứng nhận phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả chứng nhận do mình thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, tổ chức chứng nhận có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Tâm;
- Trung tâm Thông tin (để ph/h);
- Bộ KHCN, Tổng cục TĐC (để biết);
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Tâm

PHẠM VI ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(kèm theo Quyết định số /QĐ-BTTTT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Thông tin về tổ chức chứng nhận:

Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông thuộc Cục Viễn thông

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được quy định tại Quyết định số 1445/QĐ-BTTTT ngày 21/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Địa chỉ:

(1) Trụ sở Trung tâm: Tầng 7, tầng 8 Tòa nhà Cục Viễn thông, Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;

(2) Chi nhánh Miền Nam: Số 60, Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

(3) Chi nhánh Miền Trung: Số 42, Trần Quốc Toản, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

2. Phạm vi được chỉ định:

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
1	Thiết bị điện thoại không dây (kéo dài thuê bao)	QCVN 10:2010/BTTTT
2	Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD	QCVN 16:2018/BTTTT
3	Thiết bị thông tin vô tuyến điện	QCVN 18:2022/BTTTT
4	Thiết bị đầu cuối kết nối mạng viễn thông và công nghệ thông tin	QCVN 22:2021/BTTTT
5	Thiết bị vô tuyến điều chế góc băng tần dân dụng 27 MHz	QCVN 23:2011/BTTTT
6	Thiết bị thu phát vô tuyến VHF của các trạm ven biển thuộc hệ thống GMDSS	QCVN 24:2011/BTTTT
7	Thiết bị vô tuyến điều chế đơn biên và/hoặc song biên băng tần dân dụng 27 MHz	QCVN 25:2011/BTTTT
8	Thiết bị điện thoại VHF hai chiều lắp đặt cố định trên tàu cứu nạn	QCVN 26:2011/BTTTT
9	Thiết bị trạm mặt đất Inmarsat-C sử dụng trên tàu biển	QCVN 28:2011/BTTTT
10	Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều biên (AM)	QCVN 29:2011/BTTTT
11	Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều tần (FM)	QCVN 30:2011/BTTTT
12	Thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten liền dùng cho thoại tương tự	QCVN 37:2018/BTTTT
13	Thiết bị VSAT hoạt động trong băng tần C	QCVN 38:2011/BTTTT
14	Thiết bị VSAT hoạt động trong băng tần Ku	QCVN 39:2011/BTTTT
15	Trạm đầu cuối di động mặt đất của hệ thống thông tin di động toàn cầu qua vệ tinh phi địa tĩnh trong băng tần 1 - 3 GHz	QCVN 40:2011/BTTTT
16	Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM	QCVN 41:2016/BTTTT

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
17	Thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho truyền số liệu (và thoại)	QCVN 42:2011/BTTTT
18	Thiết bị vô tuyến lưu động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự	QCVN 43:2011/BTTTT
19	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho truyền dữ liệu và thoại	QCVN 44:2018/BTTTT
20	Thiết bị thu phát vô tuyến điện	QCVN 47:2015/BTTTT
21	Thiết bị điện thoại VHF sử dụng trên phương tiện cứu sinh	QCVN 50:2020/BTTTT
22	Thiết bị điện thoại VHF sử dụng trên sông	QCVN 51:2011/BTTTT
23	Thiết bị điện thoại VHF sử dụng cho nghiệp vụ di động hàng hải	QCVN 52:2020/BTTTT
24	Thiết bị vi ba số điểm - điểm	QCVN 53:2017/BTTTT
25	Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz	QCVN 54:2020/BTTTT
26	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần từ 9 kHz đến 25 MHz Thiết bị vòng từ hoạt động trong dải tần từ 9 kHz đến 30 MHz	QCVN 55:2011/BTTTT QCVN 55:2023/BTTTT
27	Thiết bị vô tuyến nghiệp dư	QCVN 56:2011/BTTTT
28	Phao vô tuyến chỉ vị trí khẩn cấp hàng hải (EPIRB) hoạt động ở băng tần 406,0 MHz đến 406,1 MHz	QCVN 57:2018/BTTTT
29	Thiết bị gọi chọn số DSC	QCVN 58:2011/BTTTT
30	Điện thoại vô tuyến MF và HF	QCVN 59:2011/BTTTT
31	Bộ phát đáp ra đa tìm kiếm và cứu nạn hoạt động trong băng tần từ 9200 MHz đến 9500 MHz	QCVN 60:2011/BTTTT
32	Điện thoại vô tuyến UHF	QCVN 61:2011/BTTTT
33	Thiết bị Radiotelex sử dụng trong nghiệp vụ hàng hải	QCVN 62:2011/BTTTT
34	Thiết bị thu truyền hình số mặt đất DVB-T2	QCVN 63:2020/BTTTT
35	Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz	QCVN 65:2021/BTTTT
36	Thiết bị lặp thông tin di động W-CDMA FDD	QCVN 66:2018/BTTTT
37	Thiết bị trạm mặt đất Inmarsat F77 sử dụng trên tàu biển	QCVN 67:2013/BTTTT
38	Thiết bị trong hệ thống nhận dạng tự động AIS sử dụng trên tàu biển	QCVN 68:2013/BTTTT
39	Thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) băng tần từ 54 MHz đến 68 MHz	QCVN 70:2013/BTTTT
40	Thiết bị trong hệ thống phân phối truyền hình cáp	QCVN 72:2013/BTTTT
41	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 25 MHz - 1 GHz	QCVN 73:2013/BTTTT
42	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 1 GHz đến 40 GHz	QCVN 74:2020/BTTTT
43	Thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ thấp dải tần 5,8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải	QCVN 75:2013/BTTTT

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
44	Thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ cao dải tần 5,8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải	QCVN 76:2013/BTTTT
45	Máy phát hình kỹ thuật số DVB-T2	QCVN 77:2013/BTTTT
46	Thiết bị đầu cuối và phụ trợ trong hệ thống thông tin di động GSM và DCS	QCVN 86:2019/BTTTT
47	Thiết bị truy nhập vô tuyến tốc độ cao băng tần 60 GHz	QCVN 88:2015/BTTTT
48	Thiết bị âm thanh không dây dải tần 25 MHz đến 2000 MHz	QCVN 91:2015/BTTTT
49	Thiết bị truyền hình ảnh số không dây dải tần từ 1,3 GHz đến 50 GHz	QCVN 92:2015/BTTTT
50	Thiết bị truyền hình ảnh số không dây	QCVN 93:2015/BTTTT
51	Thiết bị thông tin băng siêu rộng	QCVN 94:2015/BTTTT
52	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần từ 9 kHz đến 40 GHz	QCVN 96:2015/BTTTT
53	Thiết bị truyền dẫn dữ liệu tốc độ trung bình dải tần 5,8 GHz ứng dụng trong lĩnh vực giao thông vận tải	QCVN 99:2015/BTTTT
54	Thiết bị trung kế vô tuyến điện mặt đất (TETRA)	QCVN 100:2015/BTTTT
55	Pin lithium cho thiết bị cầm tay	QCVN 101:2020/BTTTT
56	Thiết bị trạm gốc, lặp và phụ trợ trong hệ thống thông tin di động GSM, W-CDMA FDD và LTE	QCVN 103:2016/BTTTT
57	Thiết bị chỉ góc hạ cánh trong hệ thống vô tuyến dẫn đường hàng không	QCVN 104:2016/BTTTT
58	Thiết bị vô tuyến trong nghiệp vụ di động hàng không băng tần 117,975 - 137 MHz dùng trên mặt đất sử dụng điều chế AM	QCVN 105:2016/BTTTT
59	Thiết bị vô tuyến trong nghiệp vụ di động hàng không băng tần 117,975 - 137 MHz dùng trên mặt đất	QCVN 106:2016/BTTTT
60	Thiết bị nhận dạng tự động phát báo tìm kiếm cứu nạn	QCVN 107:2016/BTTTT
61	Phao chỉ báo vị trí cá nhân hoạt động trên băng tần 406,0 MHz đến 406,1 MHz	QCVN 108:2016/BTTTT
62	Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA	QCVN 110:2017/BTTTT QCVN 110:2023/BTTTT
63	Thiết bị trạm lặp thông tin di động E-UTRA FDD	QCVN 111:2017/BTTTT QCVN 111:2023/BTTTT
64	Thiết bị vô tuyến truyền dữ liệu băng rộng	QCVN 112:2017/BTTTT
65	Thiết bị DECT	QCVN 113:2017/BTTTT
66	Thiết bị trạm mặt đất di động hoạt động trong băng tần Ku	QCVN 116:2017/BTTTT
67	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất	QCVN 117:2020/BTTTT QCVN 117:2023/BTTTT
68	Thiết bị đa phương tiện	QCVN 118:2018/BTTTT
69	Thiết bị thông tin vô tuyến và dẫn đường hàng hải	QCVN 119:2019/BTTTT

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
70	Thiết bị vô tuyến mạng diện rộng công suất thấp (LPWAN) băng tần 920 MHz đến 923 MHz	QCVN 122:2020/BTTTT
71	Thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 40 GHz đến 246 GHz	QCVN 123:2021/BTTTT
72	Thiết bị ra đa hoạt động trong dải tần 76 GHz đến 77 GHz dùng cho phương tiện vận tải mặt đất	QCVN 124:2021/BTTTT
73	Thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G độc lập	QCVN 127:2021/BTTTT
74	Thiết bị trạm gốc thông tin di động 5G	QCVN 128:2021/BTTTT
75	Thiết bị đầu cuối mạng thông tin di động 5G lai ghép	QCVN 129:2021/BTTTT
76	Thiết bị âm thanh không dây dải tần từ 25 MHz đến 2000 MHz	QCVN 130:2022/BTTTT
77	Thiết bị đầu cuối IoT băng hẹp E-UTRA	QCVN 131:2022/BTTTT
78	Thiết bị đầu cuối viễn thông và công nghệ thông tin	QCVN 132:2022/BTTTT

Ghi chú:

- Các phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thức 1, Phương thức 5, Phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Phụ lục C của QCVN 117:2020/BTTTT/ QCVN 117:2023/BTTTT thay thế cho QCVN 12:2015/BTTTT.
